

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn giữa chị H và anh P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố số I, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố số I, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Chị H, anh P vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/5/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P đăng ký kết hôn ngày 12/10/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C (xã H cũ), huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ

anh P tại tổ dân phố số I, thị trấn C. Quá trình chung sống, mặc dù đã có ba con chung nhưng do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị H, anh P đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ năm 2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị H đề nghị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị H và anh P có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 08/11/2005; cháu Nguyễn Trường K, sinh ngày 03/11/2008; cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 14/10/2012. Hiện cháu N đã đủ tuổi thành niên đang ở với anh P, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu K, cháu T đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H nhận nuôi cháu K, cháu T; không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H, anh P không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 6 năm 2025, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P công nhận lời khai của chị H về thời gian kết hôn, về quá trình chung sống, mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân. Do vợ chồng vẫn còn tình cảm lại là người có đạo nên anh P không nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh P xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày. Cháu N hiện đã 20 tuổi, đang ở với anh P; cháu K, cháu T đang do chị H nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh P đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cháu K, cháu T cho chị H nuôi dưỡng như nguyện vọng của hai cháu và chị H. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về tài sản: Anh P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Trường K, sinh ngày 03/11/2008; cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 14/10/2012 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Về tài

sản: Do chị H, anh P không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 12/10/2004.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thì thấy: Trong suốt quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không hợp nên chị H, anh P xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không tìm được tiếng nói chung. Chị H, anh P đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ năm 2019 cho đến nay. Trong suốt thời gian dài ly thân, chị H, anh P cũng không có biện pháp cụ thể, thiết thực để giải quyết mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P không nhất trí ly hôn nhưng lại không đến Tòa án làm việc, không đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ. Trong suốt thời gian dài ly thân, chị H, anh P cũng không có biện pháp cụ thể, thiết thực để giải quyết mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình. Trên cơ sở đơn đề nghị của chị H có xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn; căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P là có thật, vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm trong một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn P là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P có 03 con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 08/11/2005; cháu Nguyễn Trường K, sinh ngày 03/11/2008; cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 14/10/2012. Cháu N hiện đã thành niên nên chị H, anh P không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H nhận nuôi cháu K, cháu T; không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng nuôi con của chị H. Cháu T, cháu K trên 07 tuổi xin được ở với chị H.

Xét yêu cầu của các đương sự trong việc nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con chung trên 07 tuổi. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, anh P giao cháu Nguyễn Trường K và Nguyễn Thị Ánh T cho chị H nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Hiện các con chung đang do chị H nuôi dưỡng nên anh P không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho chị H.

[4] *Về tài sản*: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị H phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trường K, sinh ngày 03/11/2008; cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 14/10/2012 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 08/11/2005 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Chị H, anh P có các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Hiện cháu T, cháu K đang do chị H nuôi dưỡng nên anh P không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho chị H.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000488 ngày 30-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND Thị trấn Cồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe

